

**QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA THEO MỤC LỤC NSNN NĂM 2025**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-KTHT&ĐT ngày /4/2026 của phòng KTHT&ĐT phường Đức Xuân)

Đơn vị: Nghìn đồng./.

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Mã CTMT	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số Quyết toán	
<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>516.129</b>	
<b>I. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>							<b>315.075</b>	
<b>CHI ĐẦU TƯ</b>							<b>60.965</b>	
<b>1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>							<b>60.965</b>	
Tiểu dự án 1, Dự án 4: Đường giao thông nông thôn tổ Khuổi Pái, phường Huyền Tung (Mã Dự án: 8119849)	831	10514 20514	280	292	9300 9300	9301 9301	54.000 6.965	
<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>							<b>254.111</b>	
<b>1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>							<b>66.995</b>	
Tiểu dự án 1, Dự án 10: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030	832	10521	070	085		6500	6505	1.548
						6650	6651	1.472
							6652	4.000
							6699	11.475
						6700	6702	450
	6703	1.050						
	830	10521	160	171		6750	6754	2.100
						7000	7049	10.400
						7750	7799	7.500
	Tiểu dự án 4, Dự án 5: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	832	10515	070	085	6650	6651	560
6652							900	
6699							3.540	
Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	820	10518	370	398		6600	6606	6.500
						6650	6699	1.000
						6750	6754	6.000
						7700	7799	7.500
		20.518				6650	6699	1.000
<b>2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</b>							<b>187.115</b>	
Tiểu dự án 1, Dự án 6: Giảm nghèo về thông tin	832	10476	160	171		6500	6505	1.032
						6650	6651	1.214
							6652	2.000
							6699	9.753
						6700	6702	300
							6703	700
Tiểu dự án 2, Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	831	10476	160	171	6600	6606	40.000	
		20476	160	171	6600	6606	1.000	
Tiểu dự án 1, Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	831	10477	340	341		6550	6551	945
						6650	6651	3.167
							6652	1.600
							6655	2.500
						6700	6699	12.202
							6702	40.800
6703	40.800							

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Mã CTMT	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số Quyết toán
					6750	6751	28.000
					7000	7001	1.103
<b>II. BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU</b>							<b>201.054</b>
<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>							<b>201.054</b>
Kinh phí thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	831		280	282	7750	7799	111.054
Kinh phí hỗ trợ địa phương thực hiện bảo trì đường bộ			280	312	6900	6922	90.000